

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 3 - 2021.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Văn Hạnh**.

2. Ông **Hoàng Xuân Mẫn**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thùy Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:
Ông **Vũ Văn Hội** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 399/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Điều Thị Hồng Th** – sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Ấp 94, xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Điều Tr** – sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp ĐX, xã TT, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Điều Thị Hồng Th trình bày:

Chị và anh Điều Tr tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã TT cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/9/2015. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 8/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Do đó trong cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã nhau. Từ năm 2019, chị và anh Trung sống ly thân nhau cho đến nay. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Điều Tr.

Về con chung: Chị và anh Trung có 01 con chung là Điều Trung T – sinh ngày: 04/11/2014.

Từ khi chị và anh Trung ly thân nhau đến nay, con chung sống cùng chị.

Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Trung cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Điều Tr trình bày:

Anh và chị Điều Thị Hồng Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã TT cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/9/2015. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Th có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Do đó trong cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm lạnh nhạt với nhau. Từ năm 2019 đến nay, anh bỏ về nhà bố mẹ để sống và vợ chồng ly thân nhau. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không gặp nhau để bàn bạc việc đoàn tụ, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay chị Th yêu cầu ly hôn, nghĩ cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Th có 01 con chung là Điều Trung T – sinh ngày: 04/11/2014.

Từ khi anh và chị Th ly thân nhau đến nay, con chung do gia đình chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị Th yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh đồng ý chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Điều Thị Hồng Th đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: Nguyên đơn chị Điều Thị Hồng Th đã giao nộp: CMND của chị Th (bản sao); Sổ hộ khẩu của chị Th (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Bản tự khai ngày 21/10/2020 của chị Th (bản chính); Đơn xin vắng mặt của chị Th (bản chính). Bị đơn anh Điều Tr giao nộp: CMND của anh Trung (photo); Sổ hộ khẩu của anh Trung (photo); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Đơn xin vắng mặt của anh Trung (bản chính). Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập các chứng cứ sau: Biên bản xác minh ngày 14/01/2021; Biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2021 đối với anh Điều Tr.

Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị Th và anh Trung đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Th, cho chị Điều Thị Hồng Th được ly hôn với anh Điều Tr.

+ Về con chung: Đề nghị giao 01 con chung là Điều Trung T – sinh ngày: 04/11/2014 cho chị Điều Thị Hồng Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Trung không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh Trung kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Điều Thị Hồng Th phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn chị Điều Thị Hồng Th khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Điều Tr. Anh Trung đang cư trú tại huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Chị Điều Thị Hồng Th và anh Điều Tr là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị Th và anh Trung đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Trung tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT vào ngày 08/9/2015. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị Th yêu cầu ly hôn với anh Trung thì Tòa án áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Th yêu cầu ly hôn vì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Anh Trung đồng ý ly hôn với chị Th vì cuộc sống chung không còn hạnh phúc do chị Th có quan

hệ tình cảm với người khác, không quan tâm đến gia đình. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau (bút lục 21 – 22).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy để chị Th có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th là cho chị được ly hôn với anh Trung là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị Th và anh Trung có 01 con chung là Điều Trung T – sinh ngày: 04/11/2014.

Chị Th yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, bản thân chị Th có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Từ khi chị Th và anh Trung sống ly thân đến nay, con chung sống cùng chị Th. Anh Trung cũng đồng ý với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị Th. Vì vậy để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên tiếp tục giao cháu Điều Trung T cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Trung không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh Trung kê khai không có. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Điều Thị Hồng Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn.

[6]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Điều Thị Hồng Th.

Cho chị Điều Thị Hồng Th được ly hôn anh Điều Tr.

2. Về con chung: Chị Th và anh Trung có 01 con chung là Điều Trung T – sinh ngày: 04/11/2014.

Chị Điều Thị Hồng Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Điều Trung T. Tạm thời anh Điều Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Trung có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh Trung kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Điều Thị Hồng Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Th đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0005373 ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Th và anh Trung có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Ủy ban nhân dân xã TT: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 83, cấp ngày 08/9/2015);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lợi